

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 450/2021/HS-ST

Ngày: 12-11-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 401/2021/HSST ngày 13/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2021/QĐXXST-HS ngày 26/10/2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 13/4/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X đường Y, Phường Z, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 00/12; nghề nghiệp: tự do; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1966 và bà Dương Thị N, sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/5/2021 đến nay. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Đặng Thị Ánh L, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Số B Đường C, phường CL, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Lê Tuấn L, sinh ngày: 06/10/2003.

Nơi cư trú: Nhà không số, Đường P, Tổ Q, phường AP, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Lê Tuấn L: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm: 1975.

Nơi cư trú: Nhà không số, Đường P, Tổ Q, phường AP, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà A, anh L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ C phút ngày 06/5/2021, do cần mua ma túy để sử dụng nên khi nhìn thấy bạn tên Nguyễn Lê Tuấn L (sinh ngày 06/10/2003) đang điều khiển xe máy hiệu Yamaha, màu trắng, biển số: 54X6-2606 chạy ngang qua K kêu L ngừng xe lại chờ K đi công việc, là bạn bè quen biết nên L đồng ý. Lúc này, K kêu L chở đến khu vực cầu BK thuộc phường PH, thành phố Thủ Đức. Khi đến nơi, K kêu L ngừng xe, K xuống xe đi bộ một đoạn cách L khoảng 03-04 mét thì gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) mua được 01 gói ma túy đá với giá là 1.000.000 đồng và 01 gói thuốc lắc bên trong có 05 (năm) viên nén màu hồng với giá 1.250.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, K cầm hai gói ma túy trên tay phải rồi đi bộ ra xe kêu L chở về. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi L chở K đến trước địa chỉ số 518 đường DT, phường TĐ, thành phố Thủ Đức thì cả hai bị Tổ công tác Công an thành phố Thủ Đức đang đi tuần tra yêu cầu dừng xe kiểm tra hành chính, phát hiện và bắt quả tang K dùng tay phải ném hai gói nylon xuống đường. Qua kiểm tra bên trong hai gói nylon trên phát hiện 01 gói chứa tinh thể không màu và 01 gói chứa 05 (năm) viên nén màu hồng. Theo K khai nhận, tinh thể không màu trên là ma túy tổng hợp (ma túy đá), 05 (năm) viên nén màu hồng là ma túy tổng hợp (thuốc lắc).

Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Văn K là dương tính với chất Amphetamine, Methamphetamine và MDMA. Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Nguyễn Lê Tuấn L là âm tính với chất ma túy.

Căn cứ Kết luận giám định số C37/KLGD-MT ngày 14/05/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Kết luận:

Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn K và hình dấu Công an phường TĐ (Ký hiệu mẫu m1) cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1.4315 gram loại Methamphetamine; 05 viên nén màu hồng được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn K và hình dấu Công an phường TĐ (Ký hiệu mẫu m2) cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1.7416 gram, loại MDMA.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Nguyễn Văn K khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

- Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: 01 gói đã được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn K, Giám định viên và Cán bộ điều tra bên trong có khối lượng ma túy còn lại sau giám định gồm: Tinh thể không màu (m1) có khối lượng 1.2245g, 04 viên nén màu hồng (m2) có tổng khối lượng là 1.3902 g.

- 01 (một) xe gắn máy, hiệu Yamaha, màu trắng, biển số 54X6-2606, có số máy: 23B3-045890, số khung 23BCAY – 045889.

Tại phiên tòa, bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bản Cáo trạng số 296/CTr-VKSTPTĐ ngày 20/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo K về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2021.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không bào chữa, tranh luận, không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/11/2021, bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Xét đơn xin vắng mặt của bị cáo là hợp lệ và việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng, các kết luận giám định... và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với hành vi của bị cáo mà Cáo trạng đã nêu. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/5/2021, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 1.4315 gram ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine và 1.7416 gram ma túy ở thể rắn loại MDMA.

Hành vi của bị cáo K đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên.

Hội đồng xét xử đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng. Bản thân bị cáo là công dân, biết rất rõ tác hại của ma túy và đường lối xử lý của pháp luật. Song do nghiện ma túy và muốn thỏa mãn cơn nghiện nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất gây nghiện, tiếp tay cho tệ nạn ma túy ngày càng phát triển, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội.

Đối với Nguyễn Lê Tuấn L khai nhận K chỉ nhờ L chở đi công chuyện, không nói rõ lý do là đi mua ma túy về sử dụng. Nên L hoàn toàn không biết việc K mua và cất giữ ma túy trên tay. K cũng khai là L không biết nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với L.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo tàng trữ trái phép 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng các chất tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo bị xét xử theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo tàng trữ khối lượng ma túy lớn so với khung hình phạt, khi bị phát hiện thì có hành vi vứt ma túy xuống đường. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng và cao hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Thủ Đức mới đủ để có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: 01 gói đã được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn K, Giám định viên và Cán bộ điều tra bên trong có khối lượng ma túy còn lại sau giám định gồm: Tinh thể không màu (m1) có khối lượng 1.2245g, 04 viên nén màu hồng (m2) có tổng khối lượng là 1.3902 g. Xét đây là tang vật của vụ án và là vật Nhà nước cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 (một) xe gắn máy, hiệu Yamaha, màu trắng, biển số 54X6-2606, có số máy: 23B3-045890, số khung 23BCAY – 045889 thu của Nguyễn Lê Tuấn L. Theo phiếu trả lời xác minh tại Công an thành phố Thủ Đức, chủ xe là Đặng Thị Ánh L, địa chỉ: B đường số C, Khu phố 2, CL, thành phố Thủ Đức. Chị L đã cho cho Nguyễn Văn Tuấn (bố của L) chiếc xe trên và không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Ông Tuấn đã cho L chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại, do đó trả lại cho L xe gắn máy nêu trên là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 106; Điều 135; Điều 136; điểm c khoản 2 Điều 290; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày C/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn K** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy đối với: Mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: 01 gói đã được niêm phong có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn K, Giám định viên và Cán bộ điều tra bên trong có khối lượng ma túy còn lại sau giám

định gồm: Tinh thể không màu (m1) có khối lượng 1.2245g, 04 viên nén màu hồng (m2) có tổng khối lượng là 1.3902 g.

Trả lại cho anh Nguyễn Lê Tuấn L: 01 (một) xe gắn máy, hiệu Yamaha, màu trắng, biển số 54X6-2606, có số máy: 23B3-045890, số khung 23BCAY – 045889.

(Theo Quyết định chuyên vật chứng số 158/QĐ-VKS ngày 20/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức và Biên bản giao nhận vật chứng số 105/21L ngày 27/9/2021)

4. Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều C Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Trung Thực